

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



CHU THỊ DIỆU NGỌC

BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

**HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT
TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) – PGD ĐẮK HÀ
CHI NHÁNH KON TUM**

Kon Tum, tháng 6 năm 2022

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) - PGD ĐẮK HÀ CHI NHÁNH KON TUM

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

SINH VIÊN THỰC HIỆN : CHU THỊ DIỆU NGỌC

LỚP : K12NH

MSSV : 1817340201012

Kon Tum, tháng 6 năm 2022

LỜI CẢM ƠN

Sau khoảng thời gian bốn năm được học tập cũng như trau dồi những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngành Tài chính - Ngân hàng tại trường Đại học Đà Nẵng – Phân Hiệu tại Kon Tum thì em đã được nhà trường cùng Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển (BIDV) – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum tạo điều kiện để em có cơ hội được đi trải nghiệm trong môi trường thực tế chuyên nghiệp. Đây là một khoảng thời gian vô cùng quý giá mà toàn thể sinh viên nói chung và bản thân em nói riêng rất cần thiết để có thể hiểu hơn về một môi trường làm việc có tính kỷ luật cao cũng như học hỏi thêm nhiều kiến thức từ thực tế mà có lẽ chỉ khi được tiếp cận với môi trường ngân hàng thì em mới có thể hiểu được. Có lẽ thời gian ba tháng không dài nhưng đã để lại trong em nhiều điều bổ ích có sự nhận thức rõ ràng hơn về những định hướng trong tương lai. Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể thầy cô trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum đã tận tâm truyền dạy cho em những kiến thức bổ ích về chuyên ngành mà em đang theo đuổi. Đồng thời em cũng muốn gửi lời cảm ơn tới cô Nguyễn Thị Phương Thảo là người đã trực tiếp hướng dẫn, giải đáp mọi thắc mắc cũng như góp ý cho em rất nhiệt tình để em có thể hoàn thành bài báo cáo này một cách tốt nhất. Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Ban giám đốc cùng Trưởng phòng Phòng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển (BIDV) – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum đã tạo điều kiện cho em có được khoảng thời gian thực tập tại ngân hàng rất ý nghĩa. Cảm ơn các anh chị nhân viên Phòng khách hàng cá nhân đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em rất nhiều trong việc quan sát thực tế cũng như thực hiện một số nghiệp vụ liên quan đến công việc sau này em đang cố gắng đạt tới và hỗ trợ em có thêm kiến thức để hoàn thành bài báo cáo của mình. Cuối cùng, em xin chúc cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển (BIDV) – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum ngày càng có những thành công lớn với những bước tiến mạnh mẽ và hoàn thành những mục tiêu đã đề ra.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Chu Thị Diệu Ngọc

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU, HÌNH ẢNH.....	iv
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu:	1
3. Câu hỏi nghiên cứu:	1
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu:	2
6. Bố cục đề tài:	2
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHO VAY NÔNG NGHIỆP TRONG NHTM...3	
1.1. TỔNG QUAN VỀ CHO VAY NÔNG NGHIỆP.....3	
1.1.1. Khái niệm	3
1.1.2. Phân loại cho vay.....	3
1.1.3. Vai trò của cho vay nông nghiệp.....	4
1.2. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TRONG NHTM	5
1.2.1. Khái niệm hiệu quả.....	5
1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá	5
1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ CHO VAY NÔNG NGHIỆP ...9	
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	12
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG BIDV - PGD ĐẮK HÀ - CHI NHÁNH KON TUM.....13	
2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM.....	13
2.1.1. Giới thiệu về Ngân hàng BIDV:.....	13
2.1.2. Khái quát về BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.	15
2.2. QUY TRÌNH CHO VAY NÔNG NGHIỆP.....	17
2.3. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG BIDV - PGD Đắk Hà - CHI NHÁNH KON TUM.	19
2.3.1. Quy mô cho vay nông nghiệp.....	19
2.3.2. Chất lượng tín dụng	21
2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG	23
2.4.1. Kết quả đạt được.....	23
2.4.2. Hạn chế.....	23
2.4.3. Nguyên nhân.....	23
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NHẪM MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG BIDV – PGD ĐẮK HÀ - CN KON TUM.....25	

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA PGD TRONG THỜI GIAN TỚI	25
3.2. GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HIỆU CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG BIDV – PGD ĐẮK HÀ – CN KON TUM	25
3.2.1. Cải thiện quy trình cho vay	25
3.2.2. Chú trọng hoạt động Marketing – quảng bá sản phẩm.....	25
3.2.3. Xây dựng sản phẩm có tính cạnh tranh	25
3.2.4. Đội ngũ nhân viên	25
3.2.5. Phòng ngừa rủi ro tín dụng.....	26
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....	26
3.3.1. Kiến nghị đối với BIDV	26
3.3.2. Kiến nghị đối với NHNN	26
3.3.3. Kiến nghị đối với địa phương.....	27
KẾT LUẬN.....	28
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	
GIẤY XÁC NHẬN CỦA KHOA VÀ GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	DẠNG VIẾT TẮT	DẠNG ĐẦY ĐỦ
1	PGD	Phòng giao dịch
2	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
3	NHTM	Ngân hàng thương mại
4	NH	Ngân hàng
5	CVNN	Cho vay nông nghiệp
6	DSCV	Doanh số cho vay
7	NHTM	Ngân hàng thương mại
8	CV QHKH	Chuyên viên quan hệ khách hàng
9	ĐKGDBĐ	Đăng ký giao dịch bảo đảm
10	DPRR	Dự phòng rủi ro

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU, HÌNH ẢNH

SỐ HIỆU	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Kết quả hoạt động kinh doanh BIDV PGD Đắk Hà – CN Kon Tum	16
Bảng 2.2	Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn tại ngân hàng BIDV	21
Tên hình ảnh		
Hình 2.1	Quy mô cho vay	19
Hình 2.2	Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng	20
Hình 2.3	Cơ cấu dư nợ theo thời hạn cho vay	21
Hình 2.4	Tỷ lệ nợ có TSBĐ và không có TSBĐ	22
Hình 2.5	Tỷ lệ thu lãi trên doanh số cho vay nông nghiệp	23

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp ở Việt Nam được đánh giá là một trong những ngành kinh tế quan trọng. Mặc dù đất nước đang thực hiện công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Thế nhưng theo kết quả điều tra 01/7/2020, cả nước có 1.011 xã và 2.436 thôn có làng nghề, chiếm 12,19% tổng số xã và 3,68% tổng số thôn khu vực nông thôn, tăng 1,29 điểm phần trăm về số xã và tăng 0,4 điểm phần trăm về số thôn so với 01/7/2016. Phát triển nông nghiệp – nông thôn đã, đang và sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu, có vai trò quyết định đối với việc ổn định kinh tế - xã hội đất nước. Để phát triển nông nghiệp thì nguồn lực tài chính đóng vai trò hết sức quan trọng. Thực tế, nguồn lực tài chính trong nông nghiệp nước ta còn hạn chế, vốn tự có trong nông dân ít ỏi, nguồn vốn ngân sách còn mỏng và chưa ổn định. Vì thế, nguồn vốn tín dụng đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển nông nghiệp. BIDV từ khi thành lập (26/4/1957) đến nay luôn khẳng định là NHTM đi đầu trong cho vay nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum luôn đi đầu trong việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp tại địa phương. Thời gian qua, Chi nhánh đã đẩy mạnh cho vay nông nghiệp và luôn dẫn đầu về thị phần cho vay nông nghiệp trong tỉnh. Tuy nhiên vì nhiều nguyên nhân khác nhau, hoạt động cho vay nông nghiệp tại BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum vẫn còn nhiều hạn chế cần hoàn thiện và phát triển. Xuất phát từ thực tiễn trên, học viên nhận thấy phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp tại BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum để từ đó đưa ra những giải pháp đẩy mạnh hoạt động là vấn đề cần thiết. Do vậy, em quyết định chọn đề tài: **“Hoạt động cho vay nông nghiệp tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam PGD Đắk Hà – CN Kon Tum”** làm luận văn tốt nghiệp năm 4.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay nông nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Phân tích rõ thực trạng và đánh giá kiểm soát rủi ro khi cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020.

- Đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác đưa ra các giải pháp cải thiện hoạt động cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Đặc điểm hoạt động cho vay nông nghiệp? Nội dung phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp của NHTM? Tiêu chí phân tích kết quả của hoạt động cho vay nông nghiệp của NHTM? Tín dụng ngân hàng có vai trò như thế nào đối với sự phát triển nông nghiệp?

Câu hỏi 2: Kết quả và diễn biến của hoạt động cho vay nông nghiệp tại BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum từ năm 2018 – 2020 như thế nào? Những kết quả đạt được và

những vấn đề còn hạn chế trong quá trình cho vay nông nghiệp tại BIDV - PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum?

Câu hỏi 3: Những giải pháp chủ yếu nào nhằm hoàn thiện và phát triển hơn nữa hoạt động cho vay nông nghiệp tại BIDV - PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Kon Tum.
- Phạm vi về không gian: Tập trung phân tích tại BIDV - PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.
- Phạm vi về thời gian: Để đảm bảo tính kịp thời và có ứng dụng trong thực tiễn nên tôi đã chọn mốc thời gian từ năm 2019 đến năm 2021.

5. Phương pháp nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, hệ thống hóa các cơ sở lý luận, tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học sau:

Phương pháp thu thập số liệu

- *Số liệu thứ cấp*: thu thập từ báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hạch toán phụ thuộc và báo cáo kết xuất từ hệ thống nội bộ MIS,... của Ngân hàng BIDV PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum, báo cáo của Ngân hàng Nhà Nước và các tài liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu được công bố trên trang web, sách báo và tạp chí kinh tế, ...

- *Số liệu sơ cấp*: thu thập trực tiếp từ các cán bộ nhân viên và các đối tượng liên quan đến Ngân hàng BIDV - PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.

Phương pháp tổng hợp

Sắp xếp, hệ thống hóa các tài liệu thu thập được theo các hình thức phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Phương pháp phân tích

- Phương pháp so sánh: so sánh tuyệt đối và tương đối các chỉ tiêu giữa các năm.
- Phương pháp thống kê mô tả: nhằm tìm hiểu các đặc điểm của đối tượng điều tra, từ đó đưa ra nhận định ban đầu và nền tảng để đề xuất các giải pháp sau này.

6. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được chia làm 3 phần như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng BIDV - PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.

Chương 2: Thực trạng hoạt động cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng BIDV - PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.

Chương 3: giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay nông nghiệp Ngân hàng BIDV- PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHO VAY NÔNG NGHIỆP TRONG NHTM

1.1. TỔNG QUAN VỀ CHO VAY NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm

Căn cứ theo nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ: “Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.”

Cho vay nông nghiệp của NHTM là hình thức cấp tín dụng, theo đó NHTM cho vay giao hoặc cam kết giao một khoản tiền cho KH có mục đích sử dụng vốn trong lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) trong một thời gian nhất định theo thoả thuận dựa trên nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Theo nghị định 55/2015/NĐ-CP, các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn gồm:

- Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.

- Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

- Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn.

- Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn.

- Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

1.1.2. Phân loại cho vay

Phân loại cho vay có thể dựa vào các căn cứ sau đây:

a. Theo đối tượng khách hàng

- Bên đi vay là cá nhân

- Bên đi vay là tổ chức

b. Theo thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian tính từ khi khách hàng được tổ chức tín dụng cho vay giải ngân tiền tới ngày đến hạn phải trả cả gốc lẫn lãi cho tổ chức tín dụng được thoả thuận trong hợp đồng vay vốn.

Theo Điều 10 Thông tư 39/2016/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về cách phân loại thời hạn vay thành vay ngắn hạn, vay trung hạn, vay dài hạn cụ thể như sau:

- *Cho vay ngắn hạn*: là những khoản cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống. Ngân hàng cho vay ngắn hạn nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của Chính phủ và nhu cầu tiêu dùng của cá nhân.

- *Cho vay trung hạn*: là những khoản cho vay có thời hạn trên 1 năm đến 5 năm. Khoản tín dụng này thường được sử dụng để đầu tư đổi mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ hoặc mở rộng sản xuất.

- *Cho vay dài hạn*: là những khoản vay trên 5 năm. Các khoản này thường dùng để đầu tư vào vốn cố định của doanh nghiệp, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, bất động sản và cho vay tiêu dùng cá nhân vào các nhu cầu nhà ở, phương tiện vận tải...

c. Tính chất có bảo đảm của khoản vay

- *Cho vay có tài sản đảm bảo*: đây là loại hình cho vay mà khách hàng phải có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của bên thứ ba làm đảm bảo.

- *Cho vay không có tài sản đảm bảo*: loại tín dụng này thường được cấp cho các khách hàng có uy tín, thường là khách hàng làm ăn thường xuyên có lãi, tình hình tài chính vững mạnh, ít xảy ra tình trạng nợ nần dây dưa, hoặc món vay tương đối nhỏ so với vốn của người vay.

1.1.3. Vai trò của cho vay nông nghiệp

- *Một là*, thúc đẩy quá trình huy động vốn trong nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu vốn nhằm phát triển và mở rộng sản xuất hàng hóa nông nghiệp. Hiện nay, Việt Nam vẫn là nước nông nghiệp, hầu hết người dân ở vùng nông thôn đều có công việc chính là làm nông. Nếu họ không có được nguồn vốn để canh tác mùa vụ thì chất lượng sản phẩm bị giảm sút, tiến độ công việc không hiệu quả, từ đó kéo theo ngành nông nghiệp nước ta cũng bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực.

- *Hai là*, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Kinh tế nông nghiệp gắn liền với khu vực nông thôn – nơi phần lớn người dân có thu nhập thấp và không ổn định. Thực tế cho thấy đa số những hộ nghèo và cận nghèo thuộc khu vực này. Do đó họ gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn. Từ đó, không thể thâm canh sản xuất, không thể đầu tư vào các cây trồng và hạt giống có hiệu quả cao, cũng như không thể mở rộng sản xuất. Do vậy, việc được vay vốn nông nghiệp, cho phép người dân có thể tiếp cận các kỹ thuật tiên tiến, từ đó tạo ra sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- *Ba là*, tín dụng ngân hàng là công cụ tài trợ phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho nông nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân tiếp thu công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh. Nông nghiệp nước ta vẫn còn lạc hậu, nếu người dân được vay vốn thì cơ sở hạ tầng, các máy móc sản xuất sẽ được cải tiến, nâng cao. Từ đó giúp cho khu vực nông thôn đỡ nghèo nàn, chậm phát triển đồng thời góp phần đưa nước ta tiến lên ngành nông nghiệp hiện đại hóa.

- *Bốn là*, khai thác tiềm năng đất đai, mặt nước và khôi phục, phát triển các làng nghề, tạo công ăn việc làm ở nông thôn. Khi không tiếp cận được nguồn vốn người dân vẫn tiếp tục sản xuất lạc hậu, nghèo đói, họ sẽ tìm đường cải thiện cuộc sống bằng cách di cư sang khu vực thành thị, làm công việc tay chân, ... Tương lai đất đai sẽ bị bỏ hoang, không có người canh tác. Từ đó, nếu được vay vốn người dân sẽ yên tâm canh tác từ đó giảm được số lượng người thất nghiệp ở khu vực nông thôn.

- *Năm là*, hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn. Một khi họ không tiếp cận tới nguồn vốn theo nghị định của chính phủ, người dân sẽ vay tiêu dùng từ những nguồn bên ngoài nhà nước (vay tư nhân, cá tổ chức tín dụng với lãi suất cao). Cuộc sống của họ cũng chưa được cải thiện do không đủ để chi trả tiền gốc và lãi dẫn đến những hậu quả không mong muốn.

- *Sáu là*, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người 5 nông dân, tạo điều kiện nâng cao dân trí, hình thành những thói quen tốt trong hoạt động kinh tế cho phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tại Việt Nam, tín dụng NH đối với nông nghiệp còn có vai trò góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo. Theo Nghị quyết 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết đã đề ra chủ trương lớn, đột phá về phát triển các ngành kinh tế biển, theo đó đến năm 2030, Việt Nam sẽ phát triển thành công, đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

1.2. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TRONG NHTM

1.2.1. Khái niệm hiệu quả

Trong quản trị kinh doanh, hiệu quả là phạm trù phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực để đạt được mục tiêu xác định. Nó được đánh giá trong mối quan hệ với kết quả tạo ra để xem xét xem với mỗi sự hao phí nguồn lực xác định có thể tạo ra kết quả ở mức độ nào.

Hiệu quả cho vay là một trong những biểu hiện phản ánh hiệu quả kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng và cụ thể chính là phản ứng chất lượng các hoạt động tín dụng ngân hàng. Chất lượng hoạt động tín dụng ngân hàng được đánh giá qua các tiêu chí: khả năng cung ứng tín dụng phù hợp với yêu cầu phát triển các mục tiêu kinh tế xã hội, nhu cầu của khách hàng đảm bảo nguyên tắc hoàn trả nợ vay đúng hạn, lợi nhuận cho ngân hàng thương mại từ nguồn tích lũy do đầu tư tín dụng và do đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

Hiệu quả hoạt động cho vay được thể hiện qua khía cạnh

- Mở rộng quy mô cho vay
- Nâng cao chất lượng cho vay

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá

a. Chỉ tiêu về mở rộng tín dụng

- Doanh số cho vay

Thể hiện tổng lượng vốn mà ngân hàng đã cho vay trong một thời kỳ cụ thể. Nó được tính bằng cách cộng dồn các khoản vay trong một thời kỳ. Con số này thể hiện xu hướng hoạt động cho vay là tăng hay giảm.

- Tăng trưởng doanh số cho vay

Ngoài sử dụng giá trị tuyệt đối để cho thấy xu hướng cho vay của ngân hàng, ngân hàng còn sử dụng chỉ tiêu về tỷ lệ tăng trưởng doanh số cho vay qua các năm.

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng DSCV} = \frac{\text{DSCV}_n - \text{DSCV}_{n-1}}{\text{DSCV}_{n-1}}$$

(Trong đó: DSCV: doanh số cho vay, n: năm, n-1: năm trước)

Chỉ tiêu này dùng để so sánh sự tăng trưởng tín dụng qua các năm để đánh khả năng cho vay, tìm kiếm khách hàng và đánh tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng của ngân hàng.

Chỉ tiêu càng cao thì mức độ hoạt động của NH càng ổn định và có hiệu quả, ngược lại NH đang gặp khó khăn, nhất là trong việc tìm kiếm khách hàng và thể hiện việc thực hiện kế hoạch tín dụng chưa hiệu quả.

- *Dư nợ cho vay*

Dư nợ cho vay là chỉ tiêu phản ánh tại một thời điểm xác định nào đó ngân hàng hiện còn cho vay bao nhiêu, và đây cũng là khoản mà ngân hàng cần phải thu về. được tính theo thời điểm, tức là số dư cuối kỳ tính toán. Đây là tổng số tiền cho vay đối với khách hàng còn phải thu hồi tại một thời điểm.

- *Tỷ trọng cho vay nông nghiệp/ Tổng dư nợ*

$$\text{Tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp} = \frac{\text{Dư nợ cho vay nông nghiệp}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cho biết tỷ lệ phần trăm dư nợ cho vay nông nghiệp của ngân hàng. Đồng thời phản ánh tầm quan trọng của cho vay nông nghiệp trong NHTM. Tỷ số này càng cao thì càng cho thấy tầm quan trọng của cho vay nông nghiệp.

- *Tăng trưởng dư nợ cho vay nông nghiệp*

$$\text{Tốc độ tăng dư nợ cho vay nông nghiệp (\%)} = \frac{\text{Dư nợ CVNN kỳ sau} - \text{Dư nợ CVNN kỳ trước}}{\text{Dư nợ CVNN kỳ trước}}$$

- *Số lượng KH nông nghiệp vay vốn*

Chỉ tiêu này phản ánh số lượng KH của NH qua từng thời kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm...), qua đó phản ánh khả năng thu hút KH của NH.

- *Dư nợ bình quân trên một KH nông nghiệp*

$$\text{Dư nợ bình quân trên một KH nông nghiệp} = \frac{\text{Dư nợ cho vay nông nghiệp}}{\text{Số KH nông nghiệp}}$$

Tỷ số này phản ánh mức vay bình quân của một khách hàng. Tỷ số này càng cao cho thấy nhu cầu vay vốn nông nghiệp càng cao cũng như khả năng đáp ứng của ngân hàng tốt.

- *Cơ cấu nợ*

Phân tích cơ cấu nợ thường dựa trên các căn cứ về thời gian, TSBD, mục đích vay, đối tượng cho vay.

+Thời gian

Cho vay ngắn hạn là khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng. Ngân hàng cho vay ngắn hạn nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của Chính phủ và nhu cầu tiêu dùng của khách hàng.

Cho vay trung hạn và dài hạn gồm các khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng trở lên. Khoản tín dụng này thường được sử dụng để đầu tư đổi mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ hoặc mở rộng sản xuất nông nghiệp.

+Tài sản bảo đảm

Cho vay có tài sản đảm bảo: đây là loại hình cho vay mà khách hàng phải có tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của bên thứ ba làm đảm bảo.

Cho vay không có tài sản đảm bảo: loại tín dụng này thường được cấp cho các khách hàng có uy tín, thường là khách hàng làm ăn thường xuyên có lãi, tình hình tài chính vững mạnh, ít xảy ra tình trạng nợ nần dây dưa, hoặc món vay tương đối nhỏ so với vốn của người vay.

+Đối tượng khách hàng vay

Khách hàng cá nhân

Khách hàng là một tổ chức hoặc doanh nghiệp

$$\text{Tỷ trọng của khoản vay X} = \frac{\text{Dư nợ của khoản vay X}}{\text{Tổng dư nợ cho vay nông nghiệp}}$$

b. Chỉ tiêu về chất lượng tín dụng

- Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn

Chất lượng tín dụng của ngân hàng thường được phản ánh qua nợ xấu và nợ quá hạn. Theo thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc NHNN Việt Nam, ban hành quy định về phân loại nợ được chia thành 5 nhóm:

Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.

Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn. Các khoản nợ này được tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng tổn thất một phần nợ gốc và lãi.

Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là khả năng tổn thất cao.

Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn.

Trong đó: nợ xấu bao gồm nợ nhóm 3, 4, 5. Nợ quá hạn bao gồm nợ nhóm 2, 3, 4, 5.

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ nhóm 3, 4,}}{\text{Tổng dư nợ cho vay nông nghiệp}}$$

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Dư nợ nhóm 3, 4, 5}}{\text{Tổng dư nợ cho vay nông nghiệp}}$$

Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn cao phản ánh chất lượng cho vay của ngân hàng thiếu hiệu quả. Hoạt động tín dụng đạt kết quả thấp, ảnh hưởng khả năng thanh khoản, giới hạn sự phát triển của hoạt động tín dụng, ảnh hưởng xấu đến uy tín của ngân hàng, hạ thấp năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

- Tỷ lệ nợ có tài sản bảo đảm

Việc yêu cầu TSBĐ khi cho vay nhằm giúp ngân hàng giảm rủi ro khách hàng không trả nợ.

TSBĐ có thể là chính thu nhập hoặc tài sản của khách hàng như: quyền sử dụng đất đai, nhà ở, cổ phiếu, trái phiếu, ... Trường hợp khách hàng không trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ, ngân hàng sẽ thanh lý tài sản để thu hồi khoản vay.

$$\text{Tỷ lệ nợ có TSBĐ} = \frac{\text{Dư nợ có TSBĐ}}{\text{Tổng dư nợ cho vay nông nghiệp}}$$

Tỷ lệ này càng cao, cho thấy khả năng thu hồi vốn nợ tốt đồng thời rủi ro của ngân hàng sẽ giảm đáng kể.

- Tỷ lệ trích lập dự phòng

Dự phòng rủi ro vốn được coi như "của để dành" của các ngân hàng, là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra do khách hàng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Dự phòng rủi ro được tính theo dư nợ gốc và hạch toán vào chi phí hoạt động của các tổ chức tín dụng. Việc xác trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được căn cứ vào việc phân loại nợ tại ngân hàng.

Theo quy định, tỷ lệ trích lập dự phòng hiện nay đối với từng nhóm nợ như sau: 0% với nợ tiêu chuẩn – nợ nhóm 1; 5% với nợ cần chú ý trích lập – nợ nhóm 2; 20% với nợ dưới chuẩn – nợ nhóm 3; 50% với nợ nghi ngờ – nợ nhóm 4 và 100% với nợ có khả năng mất vốn – nợ nhóm 5. Ngoài ra, các ngân hàng còn phải trích lập dự phòng chung với tổng dư nợ (từ nhóm 1 đến nhóm 4) theo tỷ lệ 0,75%.

$$\text{Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro} = \frac{\text{Quỹ dự phòng rủi ro}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng là hoạt động thường niên, để đánh giá tỷ lệ DPRR của ngân hàng như thế nào, nhằm dự báo tỷ lệ hợp lý cho kỳ tiếp theo.

- Doanh số thu nợ

Doanh số thu nợ là tổng số tiền ngân hàng/ tổ chức tín dụng đã thu về từ những khoản vay hoặc là tổng số tiền khách hàng trả lại cho khách hàng trong một khoảng thời gian nào đó.

- Tỷ lệ thu hồi nợ

Tỷ lệ thu hồi là mức độ có thể thu hồi vốn gốc và lãi phát sinh của khoản nợ không trả được, được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm của mệnh giá. Tỷ lệ phục hồi cũng có thể được định nghĩa là giá trị của một chứng khoán khi nó xuất hiện sau tình trạng vỡ nợ hoặc phá sản.

$$\text{Tỷ lệ thu hồi nợ} = \frac{\text{Số tiền thu hồi}}{\text{Số tiền đã cho vay}}$$

Tỷ số này càng cao cho thấy ngân hàng đang thu hồi các khoản vay rất tốt, hoạt động tín dụng có tính thanh khoản cao.

- Tỷ lệ thu lãi

$$\text{Tỷ lệ thu lãi (\%)} = \frac{\text{Tổng lãi đã thu trong năm}}{\text{Tổng lãi phải thu trong năm}}$$

Chỉ tiêu này dùng để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của ngân hàng, đánh giá khả năng đôn đốc, thu hồi lãi và tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu của ngân hàng từ việc cho vay.

Chỉ tiêu càng cao thì tình hình thực hiện kế hoạch tài chính cũng như tình hình tài chính của NH càng tốt, ngược lại NH đang gặp khó khăn trong việc thu lãi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu của ngân hàng, chỉ tiêu này cũng thể hiện tình hình bất ổn trong cho vay của ngân hàng, có thể nợ xấu (tín dụng đen) trong ngân hàng tăng cao nên ảnh hưởng đến khả năng thu hồi lãi của ngân hàng, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ trong tương lai (Thông thường tỷ lệ này phải trên 95% mới là tốt).

1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ CHO VAY NÔNG NGHIỆP

Khi nói đến chất lượng cho vay, ngoài quan tâm đến các chỉ tiêu phản ánh chất lượng, các ngân hàng cũng rất quan tâm đến những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng cho vay. Nó sẽ cho thấy những nhân tố tác động tích cực hay tiêu cực đến chất lượng cho vay. Từ đó, các NHTM sẽ có những biện pháp nhằm điều chỉnh, hạn chế các tác động tiêu cực, nâng cao những tác động tích cực và qua đó, nâng cao chất lượng cho vay của NHTM. Có thể chia các nhân tố tác động tới chất lượng cho vay thành các nhân tố khách quan (nhân tố không thể kiểm soát) và chủ quan (nhân tố có thể kiểm soát).

- Môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế là nhân tố vĩ mô có những tác động đáng kể đến chất lượng tín dụng. Nền kinh tế phát triển ổn định sẽ tạo điều kiện để phát triển tốt, tạo điều kiện cho

ngân hàng mở rộng hoạt động, thuận lợi hơn cho hoạt động cho vay và các khoản vay sẽ có chất lượng cao hơn.

- Môi trường pháp lý

Pháp luật có vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động tín dụng nói chung và cho vay nói riêng. Chủ trương chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước về hoạt động tín dụng, hỗ trợ với khách hàng sẽ có những tác động trực tiếp tới hiệu quả cho vay đối với khách hàng. Có thể kể đến những quy định về đảm bảo tiền vay, tỷ lệ an toàn vốn, trích lập dự phòng ... đều là các quy định nhằm hạn chế rủi ro các khoản cho vay của ngân hàng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay.

- Môi trường chính trị - xã hội

Môi trường chính trị - xã hội tạo nên sự ổn định cho hoạt động sản xuất - kinh doanh. Nền kinh tế cần có sự ổn định về chính trị - xã hội là nền tảng thu hút các nhà đầu tư, tạo môi trường phát triển hơn cho khách hàng. Sự bất ổn về chính trị tác động đến những khoản cho vay thông qua tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của các DN, nhu cầu chi tiêu của khách hàng, quy mô của các hộ chăn nuôi, từ đó làm cho chất lượng cho vay giảm.

- Quy mô vốn và năng lực tài chính của khách hàng

Đối với khách hàng là hộ gia đình và cá thể thì thường sử dụng vốn vay vào chăn nuôi và tiêu dùng cá nhân, quy mô vốn nhỏ, năng lực tài chính bấp bênh, không ổn định nên việc trả nợ cũng thường gặp rủi ro. Tuy nhiên, việc các khách hàng có quy mô vốn nhỏ thường giúp họ dễ thích nghi với những biến động thị trường hơn, do họ dễ dàng hơn trong việc chuyển đổi sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Uy tín của các khách hàng

Nếu khách hàng đã có quan hệ lâu dài và uy tín với ngân hàng thì thường được ngân hàng đánh giá là có đảm bảo hơn về việc thu hồi lãi và gốc, đảm bảo chất lượng khoản vay so với các khách hàng khác.

Đạo đức, uy tín của khách hàng luôn có ảnh hưởng đến độ xác thực của trong thông tin cung cấp cho cán bộ thẩm định, tác động tới quyết định cho vay của ngân hàng và từ đó ảnh hưởng đến chất lượng cho vay. Khách hàng có thể lừa đảo ngân hàng thông qua gian lận về số liệu, giấy tờ, quyền sở hữu, mục đích sử dụng vốn vay,... Tính trung thực, đạo đức của khách hàng quyết định nhiều đến chất lượng cho vay của ngân hàng.

- Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của ngân hàng là hệ thống quan điểm, chủ trương, định hướng, quy định đối với hoạt động tín dụng của ngân hàng. Nó phản ánh quy định trong tài trợ của ngân hàng là hướng dẫn chung cho các cán bộ tín dụng và nhân viên ngân hàng, tạo sự thống nhất trong hoạt động tín dụng.

- Chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra và kiểm soát

Thẩm định là khâu phân tích trước khi cấp tín dụng của quy trình tín dụng. Đây là bước quan trọng nhất, quyết định chất lượng của phân tích tín dụng và nội dung chủ yếu là thu thập và xử lý các thông tin liên quan đến khách hàng và đánh giá thông tin về khả năng hoàn trả của khách hàng, tính khả thi của dự án, thẩm định tài sản đảm bảo,... Việc thẩm

định cần tiến hành đúng trình tự theo quy trình tín dụng, nếu không thì sẽ có thể gây đến các rủi ro cho ngân hàng. Nhìn chung, đây là khâu quan trọng trong việc quyết định chất lượng cho vay của khoản vay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 hệ thống hóa các cơ sở lý luận liên quan đến cho vay nói chung và cho vay nông nghiệp nói riêng. Trong đó:

- Làm rõ vai trò của cho vay nông nghiệp đối với nền kinh tế xã hội
- Hệ thống các chỉ tiêu dung để đánh giá hiệu quả cho vay nông nghiệp
- Trình bày một số các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay nông nghiệp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG BIDV - PGD ĐẮK HÀ - CHI NHÁNH KON TUM

2.1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

2.1.1. Giới thiệu về Ngân hàng BIDV

- Tên ngân hàng: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

- Tên viết tắt: BIDV

- Logo:



- Trụ sở chính: tọa lạc tại số 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: +84-(24)-22200588

- Fax: +84-(24)-22200399

- Email: bidv247@bidv.com.vn

- Website: <https://www.bidv.com.vn>

a) Quá trình hình thành

- Giai đoạn năm 1957

Ngày 26/4/1957, Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam (tiền thân của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-BIDV) chính thức được thành lập.

- Giai đoạn từ 1981 – 1990

Giai đoạn “Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam” gắn với quá trình chuyển đổi của BIDV từ một ngân hàng chuyên doanh sang hoạt động theo cơ chế của một ngân hàng thương mại, tuân thủ các nguyên tắc thị trường và định hướng mở cửa của nền kinh tế.

Thời kỳ 1990 -1995: Bắt đầu đổi mới chuyển sang hoạt động theo cơ chế của một Ngân hàng thương mại.

Thời kỳ 1995 -2012: BIDV mở rộng hoạt động, xây dựng tích lũy nội lực, hội nhập quốc tế.

Ngày 14/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 401/CT về việc thành lập Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trên cơ sở đổi tên Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam. Thành quả đầu tiên mà BIDV đạt được từ sau khi có hai pháp lệnh.

- Giai đoạn từ 1995 – 2012

Đây là thời kỳ BIDV thực hiện mở rộng kinh doanh đa năng, đa lĩnh vực, thực hiện đầu tư, mở rộng hoạt động trong rất nhiều ngành nghề lĩnh vực với nhiều kết quả nổi bật.

Năm 1999, BIDV lần lượt thành lập các đơn vị liên doanh/công ty thành viên bao gồm: Công ty liên doanh bảo hiểm Việt - Úc QBE (góp vốn liên doanh với Công ty Bảo

hiểm Úc QBE); BIDV thành lập công ty chứng khoán BSC - là công ty chứng khoán đầu tiên của ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên của Việt Nam.

Năm 2007: BIDV góp vốn cùng Tổng công ty Hàng Không Việt Nam thành lập Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam VALC; Thành lập Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc BIDV (BEDC).

Năm 2008: BIDV thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn quốc tế tại Hồng Kông (BIDVI).

Năm 2009: BIDV khai trương các hiện diện thương mại tại Campuchia, bao gồm: Văn phòng đại diện, Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

Năm 2010: BIDV khai trương Văn phòng đại diện Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam tại Myanmar; Thành lập công ty chứng khoán Campuchia CVS; Khai trương Công ty cổ phần Tài chính IDCC châu Âu tại Cộng hòa Séc. Thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển quốc tế (II DC).

Đến cuối năm 2012, BIDV đã có 5 công ty trực thuộc gồm: Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC), Công ty Cho thuê tài chính (BLC) được hợp nhất từ Công ty Cho thuê tài chính BIDV và Công ty Cho thuê tài chính II BIDV, Công ty Chứng khoán BIDV (BSC), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC) và Công ty trách nhiệm hữu hạn quốc tế BIDV tại Hồng Kông (BIDVI).

- Giai đoạn từ 2012 – ngày nay

Ngày 27-4-2012, BIDV chính thức chuyển đổi từ Ngân hàng thương mại 100% vốn Nhà nước thành Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước chi phối hoạt động theo quy định của luật pháp và thông lệ quốc tế

Đến tháng 9/2021, BIDV là ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam xét theo quy mô tổng tài sản. Tổng tài sản của BIDV tăng trưởng qua các năm, giữ vị trí là NHTMCP có tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam: Tổng tài sản hợp nhất đạt trên 1,686 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 1,9% so với năm 2019 và gấp 1,85 lần so với đầu năm 2016.

Để thực hiện thành công chiến lược phát triển Ngân hàng, BIDV sẽ nỗ lực thực hiện các mục tiêu đó là: Năng lực tài chính lành mạnh đáp ứng các yêu cầu an toàn hoạt động theo quy định và thông lệ tốt, làm nền tảng tăng trưởng quy mô hoạt động, gia tăng thị phần và duy trì vị thế dẫn đầu trên thị trường ngân hàng; Hiệu quả hoạt động bền vững trên cơ sở nâng cao chất lượng tài sản, cơ cấu lại nguồn thu, nâng dần tỷ trọng thu nhập phi tín dụng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng - tài chính - bảo hiểm tốt nhất cho khách hàng.

b) Một số thành tựu đạt được

Trong suốt những năm qua, ngân hàng BIDV đã đạt được rất nhiều thành tựu nổi bật như:

- Số vốn điều lệ cao nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam: đầu tư và hoạt động kinh doanh trên rất nhiều lĩnh vực đa dạng như ngân hàng, chứng khoán, tài chính, bảo

hiêm, ... với nguồn thu vô cùng lớn. Điểm nhấn nổi bật nhất là những dự án trọng điểm do BIDV chủ trì trong lĩnh vực tài chính như sân bay quốc tế Long Thành, công ty phát triển đường cao tốc, ... đều gặt hái được thành công đáng kể.

- Hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước: hiện nay, BIDV là ngân hàng với số lượng nhân viên đông đảo gồm 18.000 người cùng mạng lưới rộng khắp cả nước với 191 chi nhánh và hơn 855 phòng giao dịch. Ngân hàng còn đang sở hữu đến 1.3000 điểm POS tại hơn 64 tỉnh thành. Ngoài ra, ngân hàng BIDV còn đang sở hữu nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực phi ngân hàng như công ty chứng khoán đầu tư BSC, công ty bảo hiểm đầu tư BIC, ...

- Thương hiệu được khách hàng tin tưởng lựa chọn: ngân hàng BIDV luôn là cái tên được khách hàng tin tưởng lựa chọn. Ngân hàng vinh dự nằm trong top 1000 ngân hàng tốt nhất và top 30 ngân hàng có quy mô tài sản lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

- Dịch vụ đa dạng, chất lượng: Hiện nay, BIDV đang mang đến cho khách hàng nhiều dịch vụ nổi bật như chuyển tiền online, gửi tiết kiệm online và mua sắm online với chất lượng mức độ bảo mật cao. Không dừng lại ở đó, ngân hàng còn cung cấp nhiều dịch vụ khác như mua ngoại tệ trực tuyến, ngân hàng điện tử BIDV Smart Banking, ...

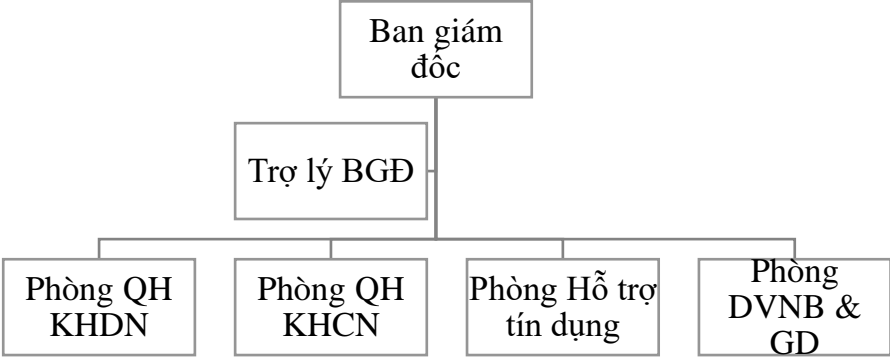
2.1.2. Khái quát về BIDV – PGD Đắk Hà chi nhánh Kon Tum

a. Giới thiệu chung

- Tên giao dịch: *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam*
- Địa chỉ: *Tổ dân phố 2, đường Hùng Vương - Đắk Hà - thành phố Kon Tum.*
- Số điện thoại: *02603822816*

- BIDV PGD Đắk Hà – Chi nhánh Kon Tum hoạt động dựa vào nguồn vốn huy động tại chỗ và nguồn vốn điều hòa từ Hội sở BIDV, sau hơn 5 năm đi vào hoạt động BIDV PGD Đắk Hà - CN KON TUM không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên đã đạt được nhiều thành công và lớn mạnh với những nội dung đa dạng hóa kinh doanh và hiệu quả.

b. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban: Chức năng và nhiệm vụ chính của từng phòng ban



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban
(Nguồn: Phòng hành chính PGD Đắk Hà-CN Kon Tum)

Chức năng, nhiệm vụ chính của các bộ phận

- Ban giám đốc: Thực hiện các chiến lược kinh doanh, điều hành chi nhánh đạt được các mục tiêu cuối cùng và giải quyết công việc hàng ngày của chi nhánh.

- Trợ lý BGD: Phụ trách hỗ trợ Ban Giám đốc, tiếp nhận, đánh giá các đề xuất/ giải pháp/báo cáo và hỗ trợ tham gia vào việc lập và thực hiện kế hoạch chi nhánh.

- Phòng Quan hệ KHCCN: Là bộ phận cung cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân (cho vay tiêu dùng, cho vay mua nhà, cho vay sản xuất kinh doanh...).

- Phòng Quan hệ khách hàng doanh nghiệp: Là bộ phận cung cấp sản phẩm cho vay doanh nghiệp (cho vay bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, cho vay sản xuất kinh doanh...).

- Phòng Hỗ trợ tín dụng:

- Thẩm định, xem xét và chịu trách nhiệm theo dõi quản lý và thu hồi vốn

- Điều hành tiền tệ và thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

- Phòng Dịch vụ nội bộ và giao dịch:

- Xử lý tất cả các dịch vụ do Hội sở chính, Giám đốc chi nhánh quy định.

- Giao dịch với khách hàng, phân tích tình hình cảm nhận, phản hồi của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ; phát triển chiến lược, kế hoạch chăm sóc khách hàng.

c. Kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của BIDV - PGD Đắk Hà - CN Kon Tum.

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh BIDV - PGD Đắk Hà - CN Kon Tum

(tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm			So sánh chênh lệch			
	2019	2020	2021	2020/2019		2021/2020	
				Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu	72.7	81.3	85.2	8.6	11.82	3.9	4.7
Chi phí	54.5	61	64.5	6.5	11.92	3.5	5.73
Lợi nhuận	18.2	20.3	20.7	2.1	11.53	0.4	1.97

(nguồn: ngân hàng BIDV - PGD Đắk Hà - Chi nhánh Kon Tum)

Về doanh thu

Doanh thu của PGD liên tục tăng qua các năm. Cụ thể, trong năm 2020, doanh thu đạt được là 81.3 tỷ, tăng 11.82% so với năm 2019. Đến năm 2021, doanh thu tiếp tục tăng 4.7%. Mặc dù tốc độ tăng doanh thu có phần chững lại, song trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều bất lợi do đại dịch Covid-19, việc duy trì tốc độ tăng trưởng dương vẫn là một thành quả đáng khích lệ.

Để có được điều này là do PGD đã có những chiến lược cạnh tranh hiệu quả, đưa ra những chính sách phù hợp với nhu cầu của người dân trong khu vực. PGD đã đưa ra mức

lãi suất cạnh tranh phù hợp, đặc biệt có đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tình, chuyên nghiệp.

Về chi phí

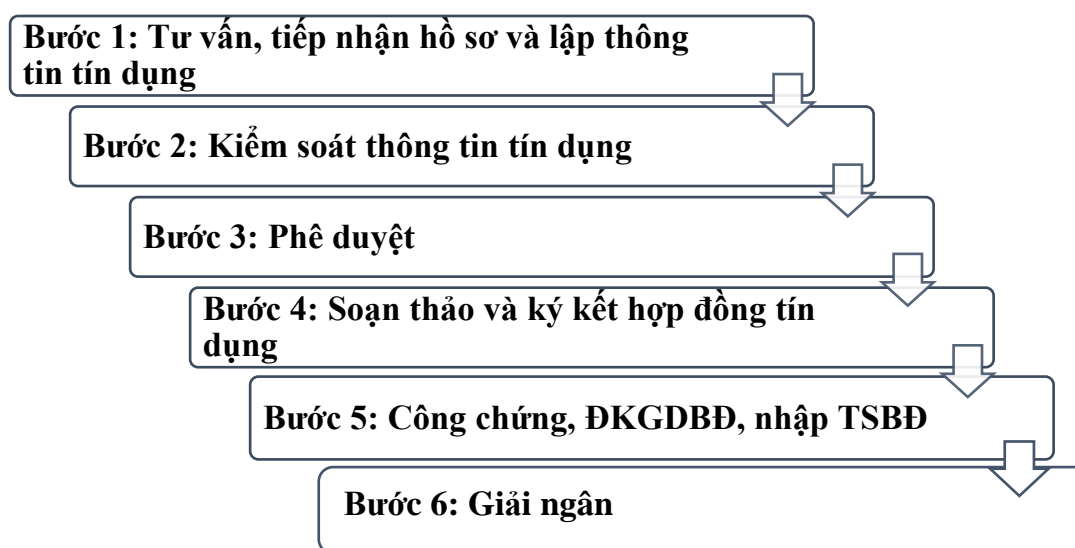
Cùng với sự gia tăng doanh thu, thì chi phí cũng có xu hướng tăng. Cụ thể, chi phí đã tăng từ 545 tỷ trong năm 2019 lên 61 tỷ trong năm 2020 và 645 tỷ trong năm 2021.

Về lợi nhuận

Tương tự như doanh thu, lợi nhuận vẫn duy trì xu hướng tăng từ 18.2 tỷ lên 20.3 tỷ trong năm 2020. Trong năm 2021, lợi nhuận tăng không đáng kể, chỉ khoảng 1.97%.

2.2. QUY TRÌNH CHO VAY NÔNG NGHIỆP

- Sơ đồ quy trình cho vay nông nghiệp



(Nguồn: ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà – Chi nhánh Kon Tum)

Mô tả:

- Bước 1: Tư vấn, tiếp nhận hồ sơ và lập thông tin tín dụng

Tư vấn khách hàng theo Phiếu tư vấn khách hàng.

Thẩm định và lập tờ trình tín dụng theo quy định.

Chuyển B2: nếu hồ sơ tín dụng vượt hạn mức tín dụng của đơn vị kinh doanh.

Chuyển B3: nếu hồ sơ tín dụng thuộc hạn mức tín dụng của đơn vị kinh doanh.

- Bước 2: Kiểm soát thông tin tín dụng

TH1 - Thẩm quyền phê duyệt đơn vị kinh doanh: chuyển B3 (không yêu cầu kí kiểm soát).

TH2 – Vượt thẩm quyền phê duyệt đơn vị kinh doanh: Trường đơn vị kinh doanh ký kiểm soát để chuyển B3.

- Bước 3: Phê duyệt

TH1 – Thẩm quyền phê duyệt ĐVKD: trưởng đơn vị kinh doanh phê duyệt.

TH2 – vượt thẩm quyền phê duyệt phòng giao dịch: Chuyển Trưởng đơn vị kinh doanh tại Chi nhánh phê duyệt.

TH3 – vượt thẩm quyền giám đốc chi nhánh: Chuyên gia PD thuộc hội đồng tín dụng khu vực/hội sở phê duyệt.

- **Bước 4:** Soạn thảo và ký kết hợp đồng tín dụng

Chuyên viên quan hệ khách hàng thực hiện cho đơn vị kinh doanh mình công tác.

Lưu ý: Có nhân sự chuyên viên quan hệ và hỗ trợ tín dụng hỗ trợ khi đến mùa vụ.

Trưởng đơn vị kinh doanh ký kết với khách hàng.

- **Bước 5:** Công chứng, ĐKGDBĐ, nhập TSBĐ

CV QHKH thực hiện thủ tục công chức và đăng ký giao dịch đảm bảo.

Chuyển hồ sơ cho chuyên viên quan hệ và hỗ trợ tín dụng nhập ngoại bảng và lưu kho tài sản đảm bảo theo quy định.

Quản lý tài sản đảm bảo:

(TH2.1) PGD ở nội thành của Tỉnh/Thành phố: chuyển về lưu kho CN trước giải ngân.

(TH2.2) PGD ở ngoại thành: CV QHKH giao cho Kiểm soát viên PGD ký đã nhận để tạm lưu kết sắt, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày giải ngân Kiểm soát viên PGD chuyển về lưu tại kho của chi nhánh.

Đối với các khoản vay nông nghiệp đến 200 triệu đồng

Thủ tục công chứng/chứng thực. Trưởng đơn vị kinh doanh được quyền giao khách hàng thực hiện các quy định sau:

CV QHKH chuyển hồ sơ cho khách hàng thực hiện công chứng/chức thực tại ủy ban nhân dân xã.

Sau khi hoàn tất, khách hàng chuyển hồ sơ và bàn giao tài sản đảm bảo, Hợp đồng đã được công chức, chứng thực cho CV QHKH.

CV QHKH chuyển hồ sơ tín dụng cho CV quan hệ và hỗ trợ tín dụng thực hiện tục nhập ngoại bảng và Quản lý tài sản đảm bảo tương tự tại TH2 của Bước này.

Thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo: CV quan hệ và hỗ trợ tín dụng thực hiện trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày giải ngân.

- **Bước 6:** Giải ngân

CV quan hệ và hỗ trợ tín dụng kiểm tra hồ sơ giải ngân và hạch toán giải ngân.

Chuyển kế ước nhận nợ cho kiểm soát viên quan hệ và hỗ trợ tín dụng của CN duyệt giải ngân trên symbols.

- **Nhận xét quy trình cho vay nông nghiệp dành cho khách hàng**

+**Ưu điểm:**

Tư vấn tận tình tại nhà, hồ sơ đơn giản, cấp vốn nhanh, lãi suất cho vay ưu đãi, thời gian vay vốn và trả nợ linh hoạt.

Quy trình cho vay rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết từ bước thu thập thông tin khách hàng đến khi thanh lý khoản vay.

Trưởng/Phó PGD/Phòng QHKH giám sát được hoạt động cho vay vì có trình báo cáo ở mỗi bước.

+**Nhược điểm:**

Những thông tin để lập hồ sơ cho vay thường do khách hàng tự cung cấp nên thiếu khách quan. Do đó, CV QHKH cần có nhiều thời gian để kiểm chứng.

Công việc của CV QHKH bị quá tải, khó tránh được tình trạng sai sót trong các bước.

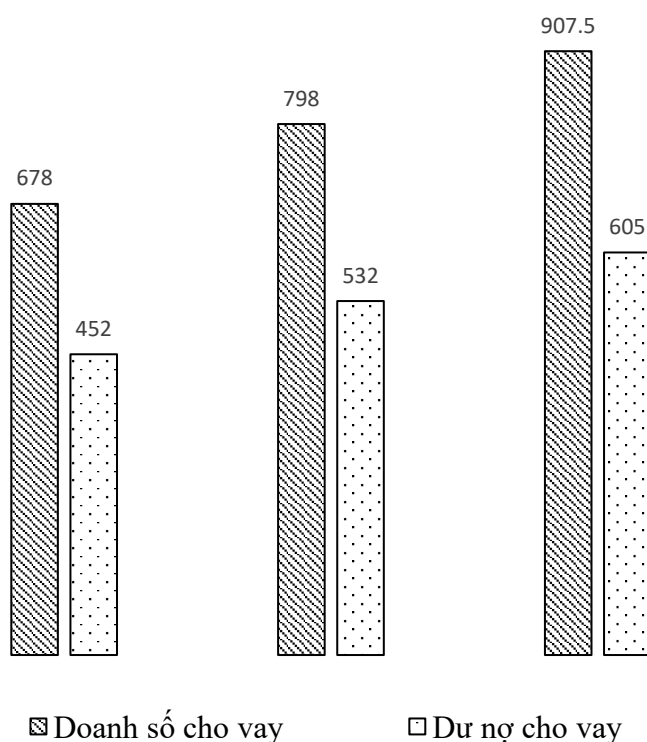
Việc trình ký hoặc trình báo cáo ở mỗi bước cũng gây mất thời gian khi có nhiều khoản vay được đề xuất cùng lúc.

Theo quan sát thực tế tại Ngân hàng, quy trình tín dụng có một số sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại chi nhánh, nhưng việc phối hợp giữa các phòng ban còn chưa thống nhất làm giảm hiệu quả hoạt động.

2.3. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG BIDV - PGD ĐẮK HÀ - CHI NHÁNH KON TUM

2.3.1. Quy mô cho vay nông nghiệp

a. Tốc độ tăng trưởng dư nợ



Hình 2.1: Quy mô cho vay

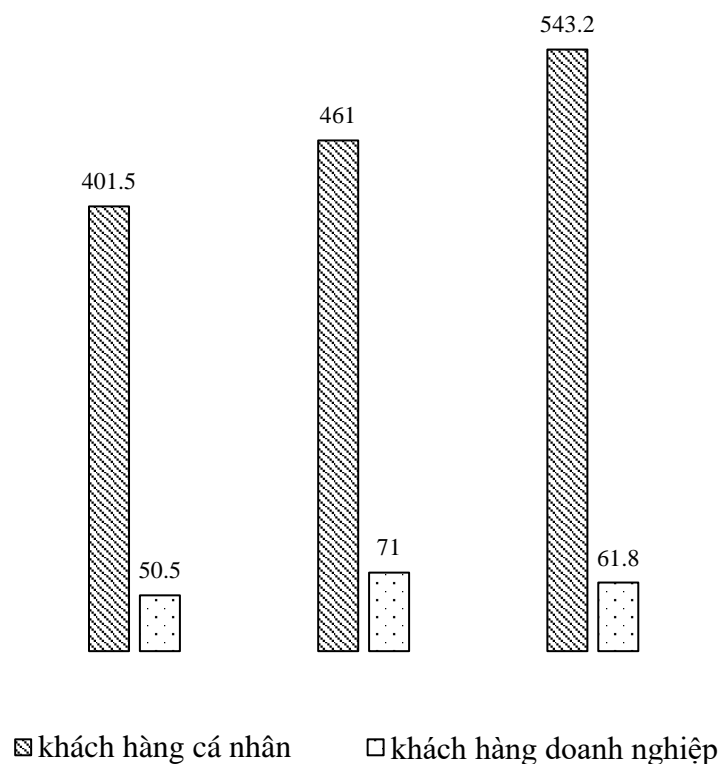
(Nguồn: Ngân hàng BIDV – PGD Đắc Hà - CN Kon Tum)

Dựa vào đồ thị ta thấy, cả doanh số cho vay và dư nợ cho vay đều có xu hướng tăng. Doanh số cho vay tăng từ 678 tỷ trong năm 2019 lên 907.5 tỷ trong năm 2021, tương ứng với mức tăng bình quân là 15.7%/năm. Trong khi đó, dư nợ cho vay tăng từ 452 tỷ lên 605 tỷ tương ứng với mức tăng trưởng là 15.7%/năm.

Tỷ lệ tăng trưởng doanh số cho vay và dư nợ cho thấy nhu cầu vay nông nghiệp của người dân ngày càng cao cũng như PGD Đắc Hà đang ngày càng tiếp cận được nhiều khách hàng. Nguyên nhân là do, khu vực huyện Đắc Hà TP.Kon Tum đang đẩy mạnh mô hình khuyến nông của Trung tâm khuyến nông Tỉnh Kon Tum, nên người dân cần một nguồn vốn đủ để canh tác mùa vụ, các giống cây trồng nông, lâm, ngư nghiệp.

b. Cơ cấu dư nợ

- Theo đối tượng khách hàng



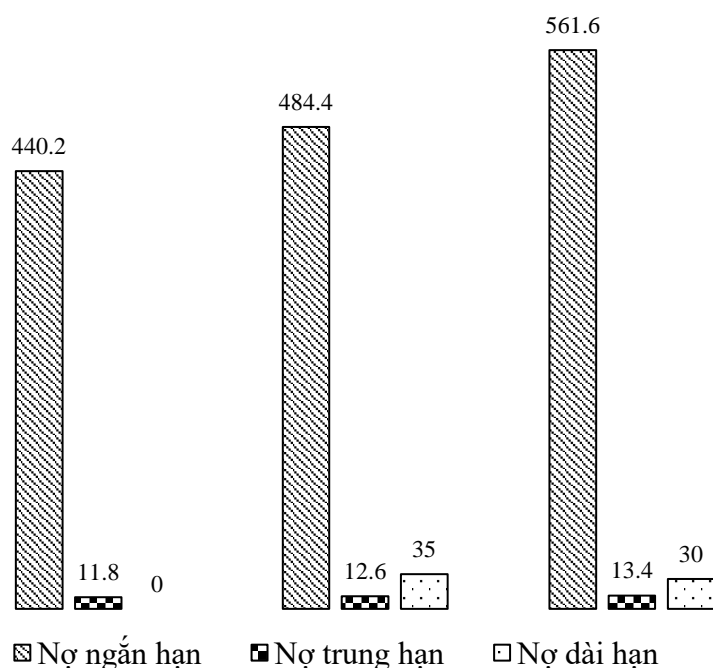
Hình 2.2: Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng

(Nguồn: Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà - CN Kon Tum)

Các khách hàng vay nông nghiệp chủ yếu là các khách hàng cá nhân, chiếm khoảng 90% tổng dư nợ cho vay. Đây là điều khá dễ hiểu khi phần lớn nông dân trên địa bàn huyện Đắk Hà sản xuất theo quy mô cá thể, hộ gia đình thay vì thành lập doanh nghiệp. Số lượng các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp thấp, quy mô nhỏ.

Bên cạnh đó, ta thấy nhu cầu vay vốn nông nghiệp của các hộ gia đình cũng có xu hướng tăng từ (401.5 tỷ lên 543.2 tỷ) trong khi nhu cầu vốn của các tổ chức, doanh nghiệp có xu hướng chững lại.

- Theo thời hạn cho vay



Hình 2.3: Cơ cấu dư nợ theo thời hạn cho vay

(Nguồn: Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà - CN Kon Tum)

Đặc thù sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn huyện thường diễn ra theo mùa vụ. Đầu mùa vụ, người dân vay vốn để mua cây, con giống, phân bón cũng như các chi phí khác (điện, nước, thuốc diệt sâu bọ,...). Sau khi thu hoạch, người dân sẽ thanh toán cho ngân hàng. Chính từ đặc trưng này, các khoản vay ngắn hạn thường chiếm phần lớn trong cho vay nông nghiệp. Cụ thể, tại PGD Đắk Hà, dư nợ ngắn hạn chiếm 93.7%, trong khi đó dư nợ trung và dài hạn chiếm 6.3%. Trong hai năm 2020 – 2021, dư nợ ngắn hạn có xu hướng giảm nhưng không đáng kể, và dư nợ dài hạn ghi nhận khoản tăng 30 tỷ.

2.3.2. Chất lượng tín dụng

a. Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn

Bảng 2.2. Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn tại ngân hàng BIDV

(tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2019	2020	2021
Dư nợ cho vay	452	532	605
Nợ nhóm 1	442	523	596.65
Nợ nhóm 2	1	1.5	1.8
Nợ nhóm 3	2.5	2	1.9
Nợ nhóm 4	1	0.5	0.25
Nợ nhóm 5	5.5	5	4.4
Tỷ lệ nợ xấu	1.99	1.4	1.08
Tỷ lệ nợ quá hạn	2.21	1.69	1.38

(Nguồn: Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà – CN Kon Tum)

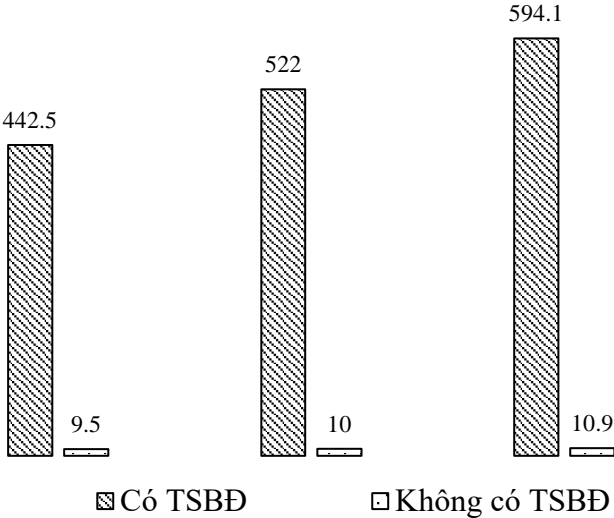
Ta thấy, cả tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn đều có xu hướng giảm dần. Tỷ lệ nợ quá hạn giảm từ 2.21% xuống còn 1.38%, trong khi đó, nợ xấu giảm từ 1.99% xuống còn 1.08%. Kết quả này có được là do PGD đã có các biện pháp kiểm soát rủi ro tốt. Ví dụ như, thiết kế được các sản phẩm tín dụng phù hợp với bối cảnh dịch Covid 19, nâng cấp chất lượng thẩm định, mở quỹ tích lũy, thực hiện trích lập dự phòng, đào tạo đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp để dễ dàng gỡ bỏ khúc mắc cho khách hàng.

Mặc dù, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn ở mức cho phép (<3%), tuy nhiên đây vẫn là mức tỷ lệ nợ tương đối cao. Trong năm 2019 tỷ lệ nợ này thậm chí xấp xỉ 2. Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn vẫn còn ở mức cao là do, lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực có rủi ro cao, chịu ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan và giá các loại nông sản liên tục biến động. Đồng thời trong hai năm 2020 – 2021, dưới sự tác động của dịch Covid-19 nền kinh tế bị gián đoạn, hoặc đóng cửa tạm thời dẫn đến gây khó khăn cho việc thu mua nông sản cũng như xuất khẩu nông sản. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và khả năng trả nợ của người dân.

Trong tương lai khi nền kinh tế phục hồi và trở lại bình thường, nhu cầu vay nông nghiệp sẽ gia tăng, nhưng kéo theo đó là rủi ro cũng sẽ tăng theo. Vì vậy ngân hàng nên có biện pháp nhằm giảm rủi ro và tỷ lệ nợ xấu.

b. Tỷ lệ nợ có tài sản bảo đảm

TSBĐ là 1 yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của khách hàng và giúp ngân hàng có thể thu hồi một phần vốn khi khách hàng không trả nợ. Tỷ lệ này càng cao cho thấy độ an toàn của các khoản vay. Tuy nhiên, TSBĐ có thể khiến một số khách hàng cảm thấy e ngại khi vay nợ tại ngân hàng.



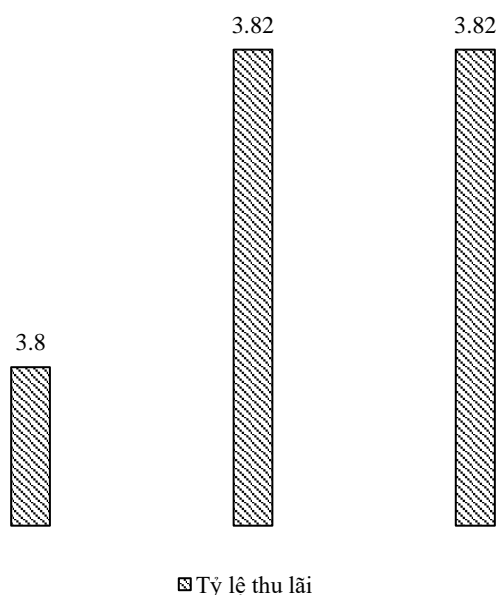
Hình 2.4: Tỷ lệ nợ có TSBĐ và không có TSBĐ

(Nguồn: Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà – CN Kon Tum)

Theo dữ liệu cho thấy tỷ lệ nợ có TSBĐ chiếm 97.8% trong khi chỉ khoảng 2% là các khoản vay tín chấp. Điều này cho thấy mức độ an toàn cao của các khoản vay.

Thông thường, PGD sẽ cho vay 70% giá trị của TSBĐ. Điều này thường dẫn đến một số hộ nông dân không có đủ TSBĐ theo quy định sẽ khó tiếp cận nguồn vốn vay.

c. Tỷ lệ thu lãi trên doanh số cho vay



Hình 2.5: Tỷ lệ thu lãi trên doanh số cho vay nông nghiệp

(Nguồn: Ngân hàng BIDV – PGD Đắk Hà – CN Kon Tum)

Tỷ lệ thu lãi tương đối ổn định, duy trì ở mức 3.82% thấp hơn so với mức lãi suất cho vay danh nghĩa khoảng 4.2%/năm. Điều này xuất phát từ việc các khoản vay đa số là khoản vay ngắn hạn nên giá trị thu lãi thấp.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.4.1. Kết quả đạt được

- Bất chấp các khó khăn của nền kinh tế, PGD BIDV Đắk Hà đã nỗ lực duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận dương.

- Quy mô cho vay nông nghiệp được mở rộng, tăng từ 452 tỷ lên 605 tỷ trong 3 năm.
- Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn giảm, cho thấy chất lượng tín dụng được cải thiện.
- Tỷ lệ nợ có TSBĐ tăng, làm giảm rủi ro mất vốn của ngân hàng.
- Tỷ lệ thu lãi ổn định.

2.4.2. Hạn chế

- Tốc độ tăng dư nợ giảm dần do ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế.

- Đa số các khoản vay là khoản vay ngắn hạn. Điều này kéo theo các khoản vay trung và dài hạn thấp.

- Khách hàng chủ yếu là khách hàng cá nhân, ít có khách hàng tổ chức, doanh nghiệp.
- Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn còn cao.

2.4.3. Nguyên nhân

- Chiến lược, phụ thuộc vào chính sách của BIDV mà chưa có chính sách riêng phù hợp.

- Do đặc thù về kinh tế - xã hội của địa phương, ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 dẫn đến nhiều rủi ro.

- Sức cạnh tranh giữa các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng có truyền thông về

cho vay nông nghiệp như Agribank, NH chính sách xã hội, ...

- Ngoài ra, một số ngân hàng tư nhân có lãi suất ưu đãi hơn BIDV.

- Tính chuyên nghiệp của nhân lực ngân hàng trong các vị trí công việc vẫn chưa cao gồm cả tinh thần, kỹ năng phục vụ khách hàng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ ngân hàng và kỹ năng hỗ trợ.

- Chưa có nhiều chính sách marketing, thu hút khách hàng.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG BIDV – PGD ĐẮK HÀ - CN KON TUM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA PGD TRONG THỜI GIAN TỚI

Cho vay nông nghiệp là một thị trường đầy tiềm năng và là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của ngân hàng BIDV - PGD Đắk Hà - chi nhánh Kon Tum hiện nay. Định hướng phát triển hoạt động cho vay nông nghiệp này như sau:

- Phát triển khách hàng mới đảm bảo tuân thủ theo đúng định hướng.
- Bám sát khách hàng sử dụng dịch vụ/ dư nợ lớn để khai thác triệt để chuỗi khách hàng, đảm bảo quản lý được dòng tiền để định hướng phát triển và chăm sóc.
- Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục, rà soát các cơ chế nghiệp vụ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục vay nhất là quá trình thẩm định, tạo điều kiện thuận lợi cho KHCCN có thể dễ dàng vay vốn.

- Thực hiện đánh giá năng lực, trình độ hiệu quả của CVQHKH, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng phục vụ.

3.2. GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HIỆU CHO VAY NÔNG NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG BIDV – PGD ĐẮK HÀ – CN KON TUM

3.2.1. Cải thiện quy trình cho vay

- Đơn giản hoá các quy trình, thủ tục cho vay, đồng thời tích cực hỗ trợ khách hàng trong quá trình lập dự án, lựa chọn phương án tài chính cũng như thực hiện các thủ tục vay vốn nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân vay vốn để thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xem xét giảm tỷ lệ tài sản bảo đảm tiền vay (ngoài phần vốn vay được miễn tài sản bảo đảm tiền vay theo chính sách của Nhà nước) làm cơ sở mở rộng cho vay đối với các khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, có dự án, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm hỗ trợ khách hàng tạo lập nguồn vốn thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Nên xây dựng thêm có chế cho vay tín chấp để tiếp cận nhiều khách hàng hơn.

3.2.2. Chú trọng hoạt động Marketing – quảng bá sản phẩm

- Tổ chức các buổi giới thiệu sản phẩm, dịch vụ mới của PGD đến với khách hàng.
- Phối hợp với các cơ quan khuyến nông, hợp tác xã để giới thiệu sản phẩm nhằm giúp người dân có thêm tin tưởng với PGD.

3.2.3. Xây dựng sản phẩm có tính cạnh tranh

- Chú ý lãi suất (hiện tại lãi suất còn cao so với mặt bằng chung nên có cơ chế lãi suất linh hoạt.

- Khảo sát khách hàng để xây dựng sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

3.2.4. Đội ngũ nhân viên

- Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực.
- Đổi mới phương pháp dạy và học, tạo môi trường học tập tốt cho nhân viên.

- Mở rộng đào tạo và hợp tác quốc tế nguồn nhân lực.
- Tuyển dụng nguồn nhân lực giỏi.

3.2.5. Phòng ngừa rủi ro tín dụng

- CVQHKH cần thường xuyên giám sát, định giá lại các TSĐB của khách hàng vay.
- Thay đổi tỷ trọng đầu tư đối với cơ cấu danh mục TSĐB: nguồn vốn của chi nhánh không nên quá tập trung vào việc tài trợ cho vay có TSĐB là bất động sản, đây là loại tài sản mà giá thị trường hiện nay đang có xu hướng giảm và rất khó phát mãi để thu hồi nợ. Chi nhánh nên gia tăng tỷ trọng cho vay cầm cố giấy tờ có giá, đặc biệt là sổ tiết kiệm có số dư lớn vì hình thức này có nhiều điểm lợi .

- Tăng cường phối hợp với bảo hiểm trong giảm thiểu rủi ro tín dụng, ví dụ như khách hàng là cá nhân vay vốn có thể dùng các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ làm đảm bảo. Các hợp đồng nhân thọ vừa có ý nghĩa bảo vệ rủi ro, vừa là hình thức tiết kiệm, tính chất tiết kiệm này sẽ giúp cho người hưởng thụ có một ngân quỹ trong tương lai. Khi họ mất khả năng thanh toán thì khoản nợ sẽ trả bằng tiền bảo hiểm.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với BIDV

Xuất phát từ thực trạng trên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả cho vay nông nghiệp của PGD Đắk Hà, em xin đề xuất một số kiến nghị với Hội sở BIDV như sau:

- Hội sở cần ban hành các tài liệu hướng dẫn cụ thể hơn các quy chế, thông tư, nghị định của Chính phủ và quy định của BIDV về cho vay nông nghiệp. Đồng thời tổ chức các lớp tập huấn ngắn ngày để CVQHKH có thể áp dụng tốt các quy chế đó vào thực tiễn hoạt động cho vay.

- Trong thời gian tới, Hội sở cần hỗ trợ cho PGD thiết lập website riêng cho mình, một mặt giúp cho PGD có thể quảng bá hình ảnh của ngân hàng đến với nhiều khách hàng. Trên cơ sở có website riêng, PGD có thể thực hiện đăng ký thế chấp, bảo lãnh cho vay qua mạng.

- Hội sở chính của ngân hàng cần thường xuyên kiểm tra định kỳ thanh tra về chất lượng tín dụng của PGD. Qua đó nếu có sai sót thì PGD sẽ tiến hành sửa sai theo biên bản của đoàn kiểm tra để tránh gây tổn thất cho chi nhánh bởi những sai sót đó, đồng thời PGD sẽ tự rút kinh nghiệm thực tế để tránh sai sót về sau.

- Cần hỗ trợ hiệu quả hơn nữa cho PGD về các vấn đề liên quan để hoạt động cho vay nông nghiệp ở PGD được diễn ra nhanh chóng và chính xác.

- Tăng cường công tác Đào tạo cho đội ngũ nhân viên.

- Xây dựng điều kiện, thủ tục CV theo hướng tinh giản, phù hợp với năng lực tiếp cận của hộ nông dân.

- Cải tiến quy trình CV theo hướng chặt chẽ, có sự tham gia của bộ phận thẩm định chuyên nghiệp.

3.3.2. Kiến nghị đối với NHNN

Tiếp tục dành thêm lượng tiền cung ứng để tái cấp vốn cho TCTD đáp ứng nhu cầu cho vay nông nghiệp.

NHNN nên tiếp tục chỉ đạo các TCTD CVNN thực hiện đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, điều chỉnh linh hoạt các điều kiện CV, điều kiện về TSBĐ phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp ở từng địa phương.

3.3.3. Kiến nghị đối với địa phương

- Chính phủ cần có sự chỉ đạo đối với các Bộ, Ngành có liên quan triển khai hướng dẫn thực hiện nghị định 55/2015/NĐ-CP một cách đồng bộ.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về thu tiền sử dụng đất, về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tăng cường sự hỗ trợ của các cơ quan khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho người dân.

- Chính phủ cần có biện pháp nhanh chóng triển khai bảo hiểm nông nghiệpj trên diện rộng.

- Có chính sách quản lý hiệu quả giá cả, thị trường tiêu thụ nông sản.

- Thực hiện đồng bộ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.

- Tổ chức trao đổi chuyên đề, giúp bà con nâng cao năng lực sản xuất

- Thường xuyên cập nhật các thông tin diễn biến thị trường để trao đổi kịp thời với người dân.

KẾT LUẬN

Lĩnh vực nông nghiệp đang rất cần nguồn vốn cho đầu tư sản xuất, như máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải, công nghệ bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch, ... Để đáp ứng nhu cầu trên, hàng loạt những chủ trương, chính sách về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Đảng và Nhà nước đã ra đời trong thời gian gần đây. Chính những Chính sách này đã khơi thông nguồn vốn tín dụng đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp và kết quả đến cuối quý III/2021, dư nợ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt 2,48 triệu tỷ đồng, tăng 9,2%; chiếm tỷ trọng khoảng 25,1% tổng dư nợ nền kinh tế. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện các Chính sách, Nghị định của Chính phủ và hoạt động CVNN tại BIDV PGD Đắk Hà cũng còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần tiếp tục được tháo gỡ.

Đề tài luận văn: “Phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – PGD Đắk Hà - Chi nhánh Kon Tum” được lựa chọn và nghiên cứu nhằm phát huy hơn nữa những thành quả trong đầu tư tín dụng nông nghiệp mà PGD đã đạt được trong thời gian qua cũng như đưa ra các giải pháp để hạn chế đến mức thấp nhất những tồn tại còn tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của PGD thời gian tới.

Bài báo cáo đã đạt được một số kết quả nghiên cứu chủ yếu sau đây:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động CVNN của NHTM. Luận giải các vấn đề liên quan đến nội dung phân tích tình hình CVNN của NHTM và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động CVNN của NHTM.

- Phân tích, đánh giá tình hình CVNN tại PGD Đắk Hà căn cứ vào các tiêu chí và cơ sở lý luận đã đề xuất ở chương 1. Qua đó, rút ra các nhận định về những mặt thành công, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động CVNN tại PGD thời gian qua, từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp ở chương 3.

- Bài báo cáo đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm giúp hoàn thiện hoạt động CVNN tại PGD Đắk Hà, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế của PGD trong và ngoài tỉnh.

Do trình độ và phương pháp nghiên cứu còn hạn chế, tác giả đã gặp phải những khó khăn nhất định trong việc thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu. Mặc dù đã nỗ lực cố gắng đi sâu vào thực chất vấn đề của đề tài, nhưng bài báo cáo vẫn còn nhiều thiếu sót, mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô và những người quan tâm nhằm hoàn thiện hơn nữa bài báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Phương Thảo đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm với tôi trong suốt quá trình nghiên cứu. Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo, các anh chị cán bộ làm việc tại PGD Đắk Hà đã hỗ trợ em rất nhiều để hoàn thành bài báo cáo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1.] Trần Thị Xuân Hương – Hoàng Thị Minh Ngọc, “Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại”, NXB Kinh tế TP.HCM.
- [2.] Nguyễn Minh Kiều (2012), “Nghiệp vụ ngân hàng thương mại”, NXB Lao Động Xã Hội.
- [3.] Lê Văn Tê (2007), “Nghiệp vụ ngân hàng thương mại”, NXB Thống Kê.
- [4.] TChâu Văn Thường – Phùng Hữu Hạnh (2013), “Các nghiệp vụ cơ bản ngân hàng thương mại Việt Nam”, NXB Tài Chính.
- [5.] Ngân hàng BIDV, “Báo cáo thường niên năm 2018”.
- [6.] Ngân hàng BIDV, “Báo cáo thường niên năm 2019”.
- [7.] Ngân hàng BIDV, “Báo cáo thường niên năm 2020”.
- [8.] Một số tài liệu về sản phẩm tín dụng do Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Kon Tum PGD Đắc Hà cung cấp.
- [9.] Thông tin internet tại các trang:
- <https://www.bidv.com.vn/vi/>
 - <https://finance.vietstock.vn/bidv-ngan-hang-tmcp-dau-tu-phat-trien-VN.htm>